TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2017
V/v: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hoàng Tập

2. Ông Cầm Văn Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Phan Văn M**, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Số nhà 511/6 đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Diễm K**, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Số nhà 286/15 đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn M trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Diễm K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà K thường xuyên cờ bạc dẫn đến cả hai mâu thuẫn về kinh tế gia đình nên thường xuyên tranh cải, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn. Hiện tại ông bà đã không còn sống chung với nhau, tình cảm giữa cả hai không còn. Do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà K là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có bốn người con chung tên Phan Thị Phương U, sinh ngày 11/4/1992; Phan Thị Phương Tr, sinh ngày 15/8/1994; Phan Hồng S, sinh ngày 24/8/1997 và Phan Thị Hồng V, sinh ngày 01/01/2005. Các con chung U, Tr

và S hiện đã trưởng thành. Đối với con chung Phan Thị Hồng V ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, hơn nữa cháu V cũng có nguyện vọng được sống chung với ông, ông không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Ông và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Trong quá trình xét xử bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm K trình bày: Bà xác nhận bà và ông M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 là đúng và đến nay cả hai vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà đã phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thua lỗ nhưng không có sự chia sẽ lẫn nhau, một năm nay cả hai không còn chung sống với nhau, tình cảm yêu thương không còn. Nay bà cũng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông M là vợ chồng.

Về con chung: Cả hai có bốn con chung như ông M trình bày. Tòa giải quyết không công nhận vợ chồng bà đồng ý để ông M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Thị Hồng V cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm K vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Phan Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà Nguyễn Thị Diễm K là vợ chồng, bà K hiện cư trú tại phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét thấy ông M và bà K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông M, bà K yêu cầu Tòa án không công nhận cả hai là vợ chồng, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông M và bà K.

[4]. Ông M, bà K thỏa thuận giao con chung tên Phan Thị Hồng V, sinh ngày 01/01/2005 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, ông M không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con, xét sự thỏa thuận này phù hợp quy định

của pháp luật và nguyện vọng của cháu V nên công nhận. Đối với các con chung tên Phan Thị Phương U, Phan Thị Phương Tr và Phan Hồng S hiện đã trưởng thành nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: ông M, bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị Diễm K.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thoả thuận giao con chung tên Phan Thị Hồng V, sinh ngày 01/01/2005 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ông M không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Phan Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001964 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Ông M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc